

Số: 11 /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm

tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2022 ban hành Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 68/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc và Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Cục Thi án dân sự tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh KTN;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, THNC, Ban TCD (55bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 11 /2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các hoạt động về đo đạc và bản đồ không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

- Hệ thống điểm đo đạc, hệ thống bản đồ các loại, cơ sở dữ liệu liên quan đến đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải được xây dựng ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .
- Công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở Hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao khác trước khi sử dụng phải chuyển sang Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .

Điều 4. Công nghệ thành lập bản đồ

Bản đồ phải được thành lập bằng công nghệ số, sử dụng phần mềm theo quy định của các bộ, ngành chủ quản, đảm bảo việc sử dụng, lưu trữ, cập nhật, chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 5. Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và còn trong thời hạn. Cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề và còn trong thời hạn.

2. Các tổ chức không có trụ sở chính hoặc không có chi nhánh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

3. Các sản phẩm bản đồ địa chính đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

Các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành khi đưa vào sử dụng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận theo quy định. Trường hợp bản đồ xuất bản phải tuân thủ theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 6. Lập thiết kế kỹ thuật, phương án thi công đo đạc và bản đồ

1. Bản đồ địa chính

a) Đo vẽ bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn thì thiết kế kỹ thuật được lập theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

b) Đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án thi công theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của

các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

- Căn cứ lập phương án thi công;
- Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- Kinh phí thực hiện.

c) Đo chỉnh lý riêng từng thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất không sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, không phải lập phương án thi công.

2. Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác

a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

- Sự cần thiết phải đo đạc, lập bản đồ;
- Cơ sở pháp lý;
- Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ;
- Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ trong phạm vi thực hiện dự án, công trình; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;
- Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc và bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;
- Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;
- Tổ chức thực hiện;
- Dự toán kinh phí;
- Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

b) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác thực hiện theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ. Nội dung chính của phương án kỹ thuật bao gồm:

- Tóm tắt yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

- Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- Kinh phí thực hiện.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phương án thi công đo đạc và bản đồ

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, phương án thi công đo đạc lập bản đồ địa chính

- a) Nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn
 - Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ.
 - Sở Tài chính có ý kiến thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nhiệm vụ đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước

- Chủ đầu tư gửi Phương án thi công lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Sở Tài nguyên và môi trường có ý kiến thẩm định đối với căn cứ lập phương án thi công; mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc; giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện; căn cứ áp dụng dự toán kinh phí thực hiện.

2. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, phương án thi công các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác

- a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước
 - Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ.
 - Sở Tài chính có ý kiến thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực để thẩm định phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ. Kết quả thẩm định là cơ sở để phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí.

3. Thủ tục thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn để thẩm định, gồm: Văn bản đề nghị thẩm định của chủ đầu tư; văn bản làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật, phương án thi công đo đạc và bản đồ; báo cáo khảo sát; thiết kế kỹ thuật, phương án thi công đo đạc và bản đồ; phụ lục, mẫu, biểu liên quan; các tài liệu, số liệu liên quan khác. Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn có ý kiến thẩm định gửi chủ đầu tư.

4. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ

a) Các công trình đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ do cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc chủ đầu tư phê duyệt theo ủy quyền của cơ quan quyết định đầu tư.

b) Các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Quy trình kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai và Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2. Kiểm tra và ký xác nhận sản phẩm bản đồ địa chính

a) Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận các sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn và bản đồ chuyên đề khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường quản lý.

b) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

Kiểm tra và xác nhận các sản phẩm đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc và bản đồ địa chính khác

thực hiện phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm.

Kiểm tra và xác nhận các sản phẩm đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và mục đích quản lý đất đai khác theo ủy quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ được lập phục vụ yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị.

4. Các tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc bản đồ được kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ tương ứng nội dung được cấp phép nhưng không được thực hiện đồng thời kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm của cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư trong cùng 01 (một) công trình, hạng mục công trình đo đạc và bản đồ.

Điều 9. Giao nộp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn được giao nộp cho cơ quan chủ đầu tư để sử dụng ở các cấp theo quy định tại điểm 2.1 Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

2. Hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, sản phẩm đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác được giao nộp 01 (một) bộ cho Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đối với bản đồ được lập thuộc phạm vi địa phương chi nhánh đó.

3. Sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành do các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư được giao nộp cho cơ quan chủ đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đồng thời giao nộp 01 (một) bộ sản phẩm (dạng giấy và dạng số) cho Sở Tài nguyên và Môi trường lưu trữ, cập nhật hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.

Điều 10. Xây dựng, sử dụng, bảo vệ, di dời công trình hạ tầng đo đạc

1. Công trình hạ tầng đo đạc cơ bản hoặc công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ làm chủ đầu tư xây dựng thì việc bảo vệ, sử dụng, di dời theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ và Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ.

2. Công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành do các sở, ngành làm chủ đầu tư là mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành và trạm định vị vệ tinh chuyên ngành

a) Xây dựng công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành

Các sở, ngành tổ chức xây dựng công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành theo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tổ chức, cá nhân được tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành theo quy định tại Điều 37 Luật Đo đạc và Bản đồ.

c) Việc bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đo đạc và Bản đồ.

d) Việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành

Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến về việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, các sở, ngành có trách nhiệm trả lời bằng văn bản để cơ quan, tổ chức và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện biết.

Các sở, ngành có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc di dời, phá dỡ các mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành bị hư hỏng; cập nhật vào hồ sơ các tài liệu liên quan đến mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành di dời, phá dỡ để quản lý.

Trường hợp thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành có trên diện tích đất dự kiến giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi các sở, ngành làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu di dời hoặc phá dỡ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo vệ hệ thống bản đồ, các công trình hạ tầng đo đạc cơ bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham mưu quản lý việc cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ; quản lý tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để lưu trữ, cập nhật thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ, cơ sở dữ liệu nền địa lý của tỉnh.

5. Tham gia ý kiến vào các thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

7. Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá, phí, lệ phí đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ được giao quản lý.

9. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

10. Hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý.

2. Chịu trách nhiệm lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ chuyên ngành sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

3. Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của bộ, ngành chủ quản.

4. Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành quản lý.

5. Kiểm tra, xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

3. Hàng năm báo cáo tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành theo quy định.

4. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

5. Chỉ đạo và giao các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các hành vi xâm hại đến các công trình hạ tầng đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định.

b) Kiểm tra, xem xét hiện trường mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành về tình trạng bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, công trình phải di dời hoặc hủy bỏ. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã phải xử lý, báo cáo các sở, ban, ngành để giải quyết theo quy định.

c) Rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành có trên đất khi thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật.

d) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định để phục vụ công tác quản lý của địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại công trình hạ tầng đo đạc trên địa bàn, đồng thời báo cáo các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện các hành vi xâm hại.

3. Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ công trình hạ tầng đo đạc, trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường.

4. Xử lý trường hợp không thông báo khi sử dụng công trình hạ tầng đo đạc theo quy định.

5. Phối hợp với đơn vị đo đạc, cử công chức địa chính, cán bộ ấp, khu phố để hỗ trợ, hướng dẫn khi có yêu cầu.

6. Tiếp nhận, lưu trữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định để phục vụ công tác quản lý của địa phương.

7. Hàng năm báo cáo về tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường và các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật khác có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Bảo vệ, không được làm hư hỏng, hủy hoại công trình hạ tầng đo đạc, sản phẩm đo đạc và bản đồ. Trường hợp tự ý hủy hoại công trình hạ tầng đo đạc thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

3. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

4. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước đình chỉ phát hành hoặc thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định.

5. Khi có công trình kiến trúc mới được xây dựng trên thửa đất liền kề công trình hạ tầng đo đạc làm ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng thì chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có công trình hạ tầng đo đạc phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để có biện pháp duy trì, bảo vệ. Khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc làm ảnh hưởng đến công trình hạ tầng đo đạc, chủ sở hữu công trình kiến trúc phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để có biện pháp bảo vệ dấu mốc đo đạc.

6. Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc tới các sở, ngành quản lý; cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời hoặc hủy bỏ. Việc di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc chỉ được thực hiện khi được sự chấp thuận của cơ quan quản lý công trình hạ tầng đo đạc.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Việc sửa đổi, bổ sung

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh các vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.